

Ngày	10,600 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.9%	1.0%	2.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,902 - 11,450
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	244
Số lượng CPLH (CP)	23,040,717
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,386
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.06
EPS	797
P/E	13.3

DT thuần

Q1/24

189

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 27.0| 17.0%

YoY: ▲ 1.00| 0.8%

LN trước thuế

Q1/24

8.08

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.7| 414%

YoY: ▲ 0.57| 7.6%

LN sau thuế

Q1/24

6.44

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.13| 339%

YoY: ▲ 0.49| 8.2%

ROA

2023

4.0%

+/- YoY: ▼ 0.5%

DT thuần

2023

707

tỷ VNĐ

YoY: ▼115| -14.0%

LN trước thuế

2023

23.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼5.60| -19.2%

LN sau thuế

2023

18.5

tỷ VNĐ

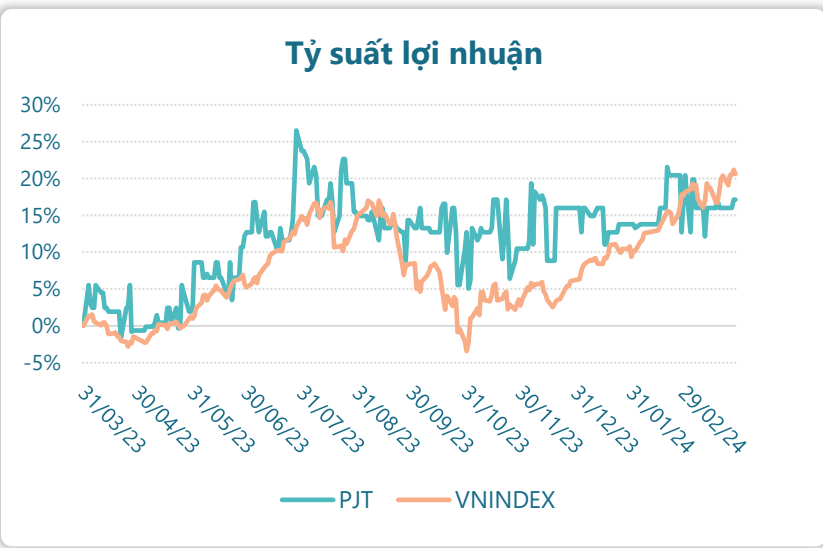
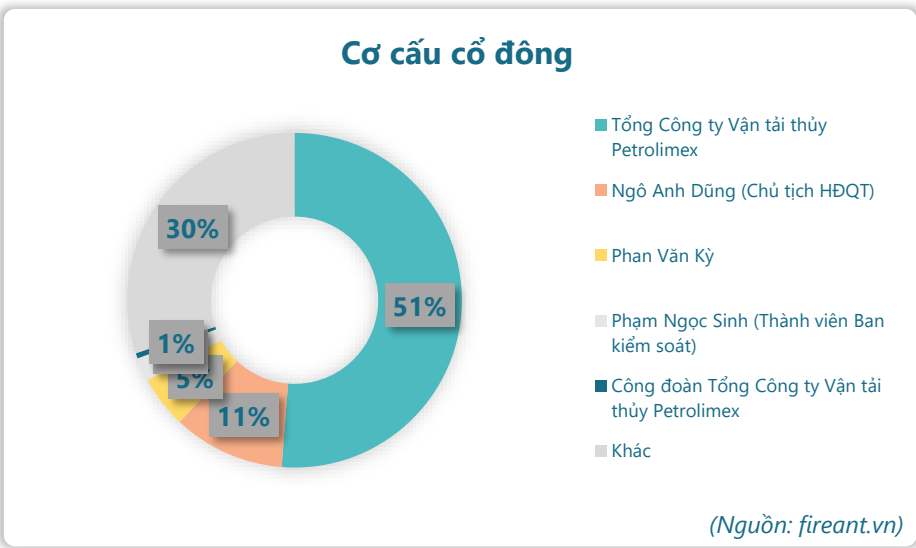
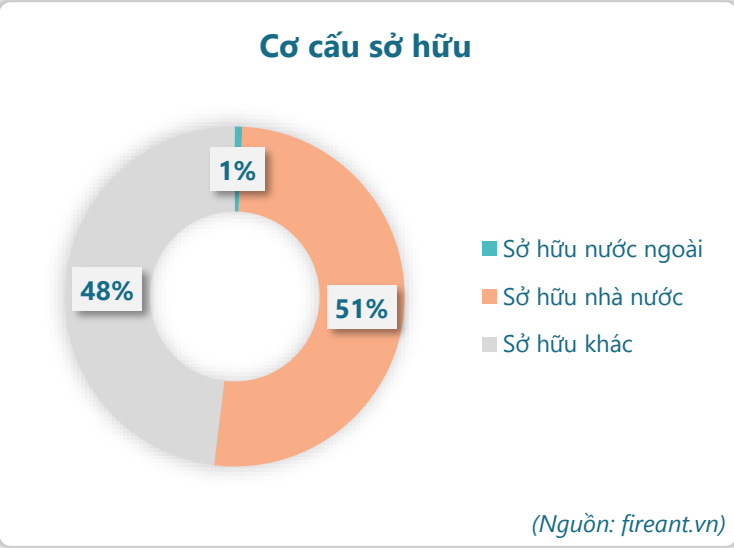
YoY: ▼4.50| -19.4%

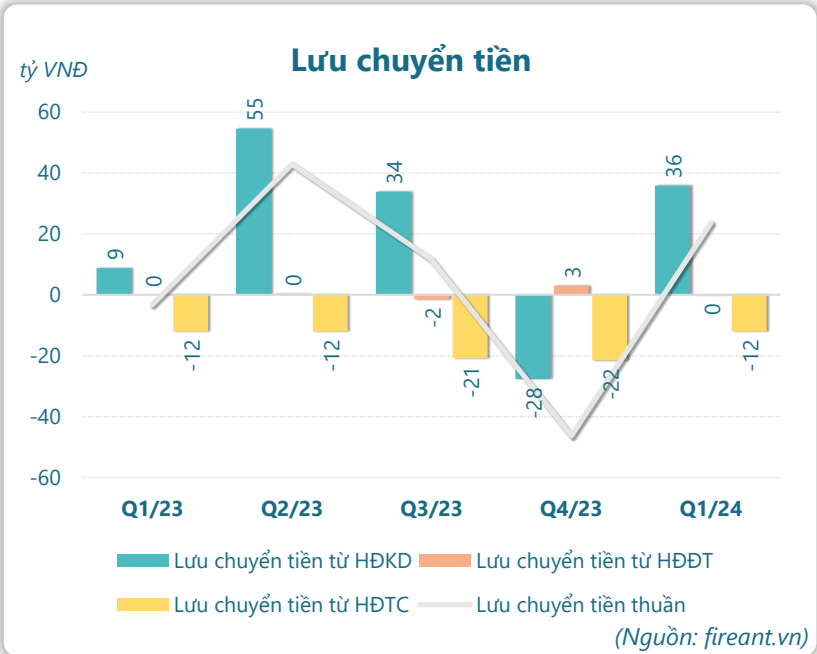
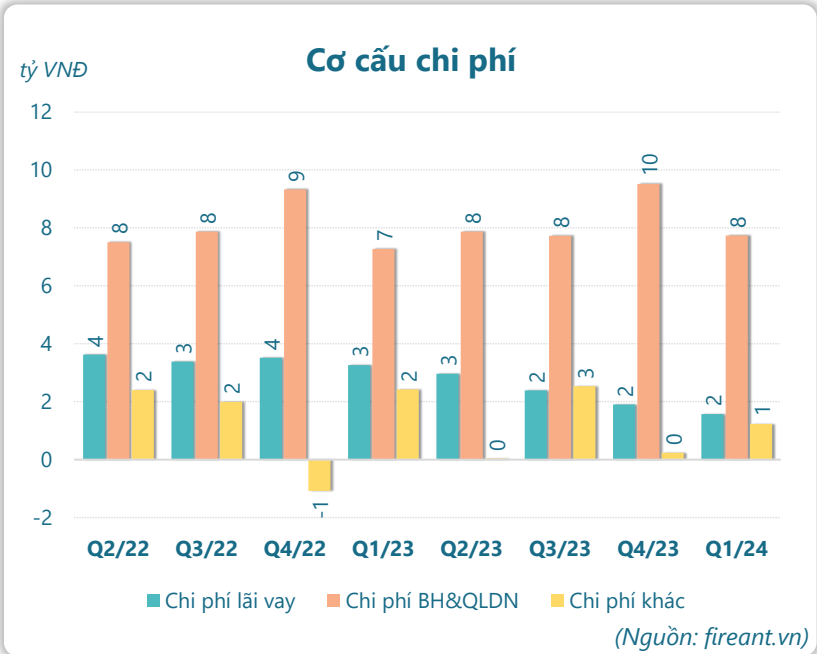
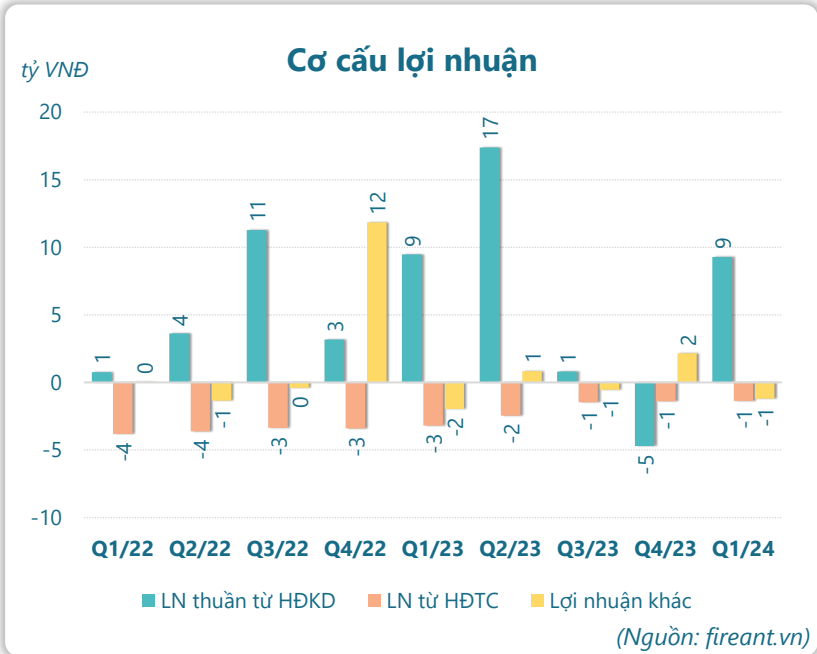
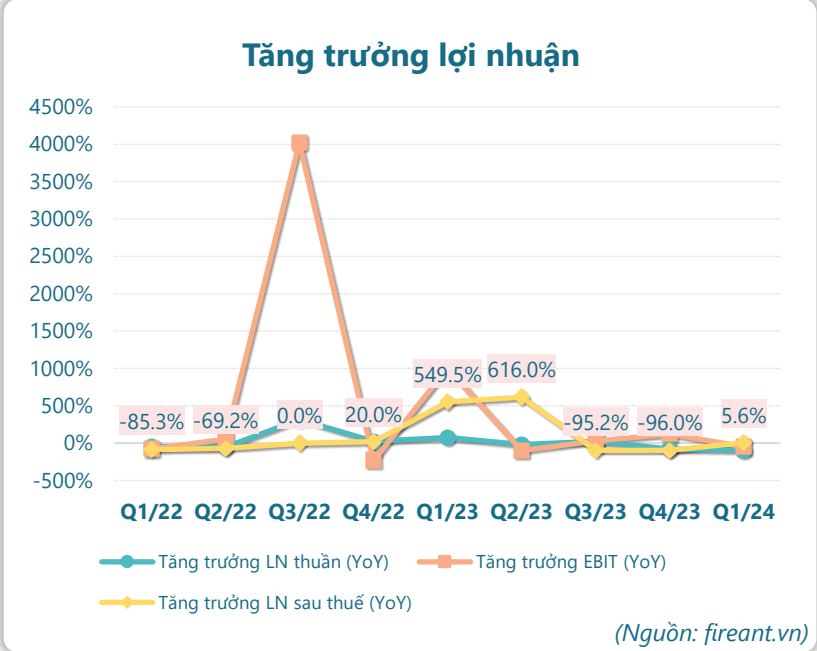
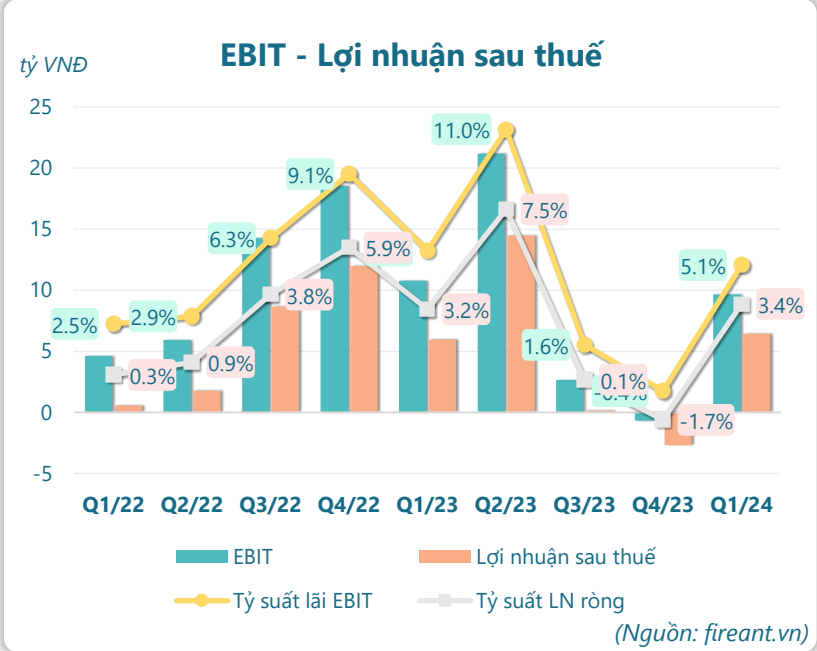
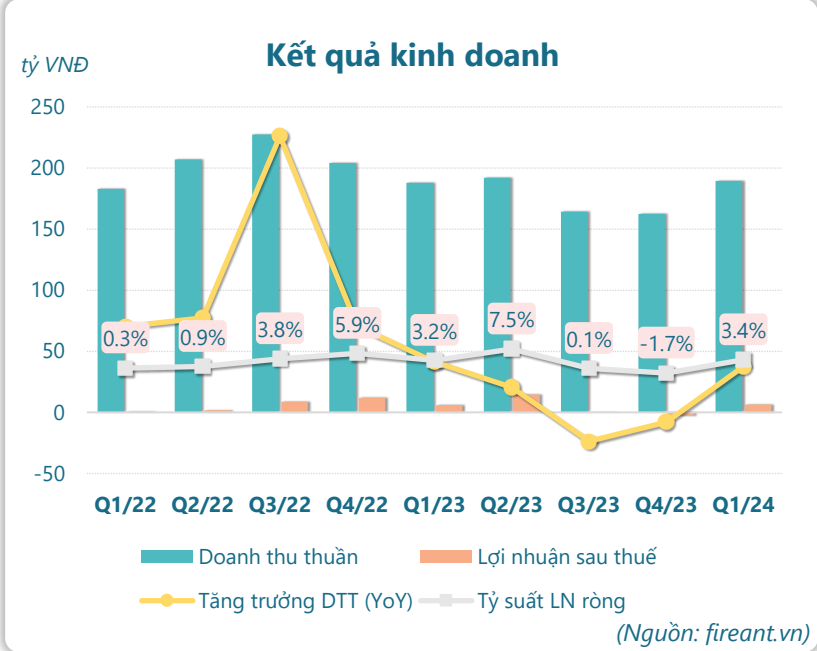
ROE

2023

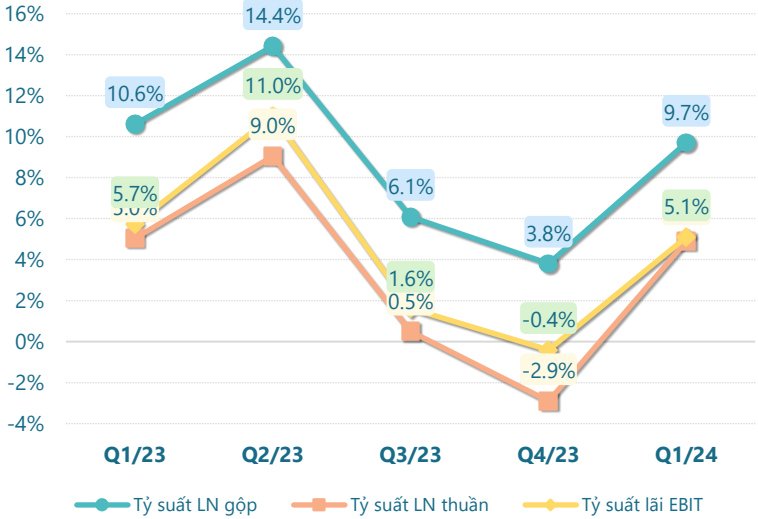
6.2%

+/- YoY: ▼ 1.5%

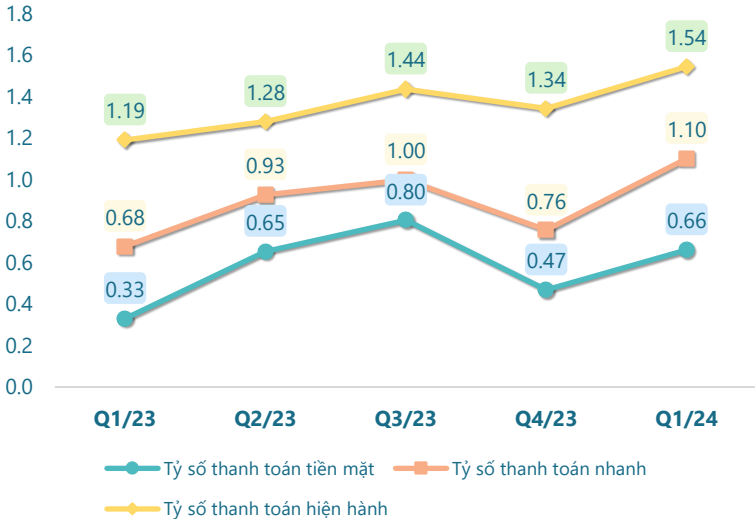




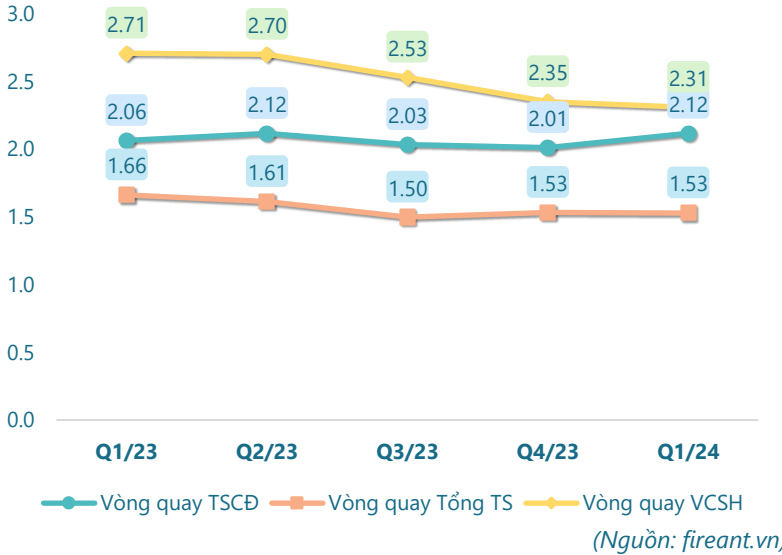
Tỷ suất lợi nhuận



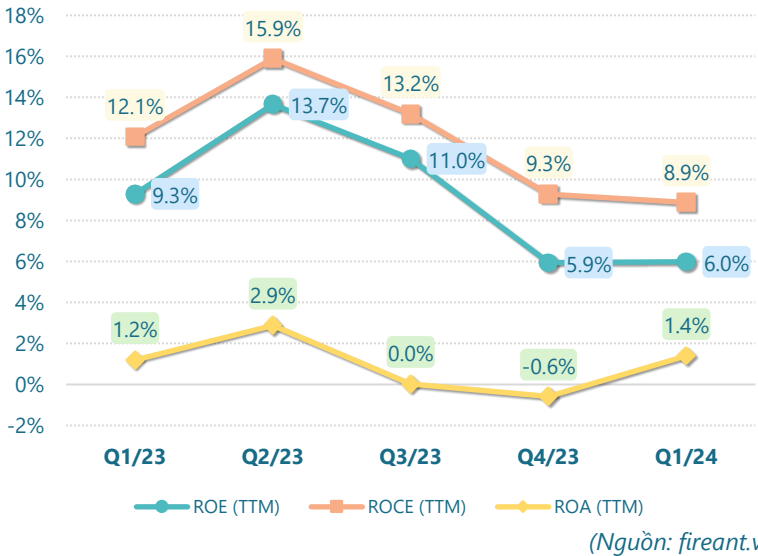
Chỉ số thanh khoản



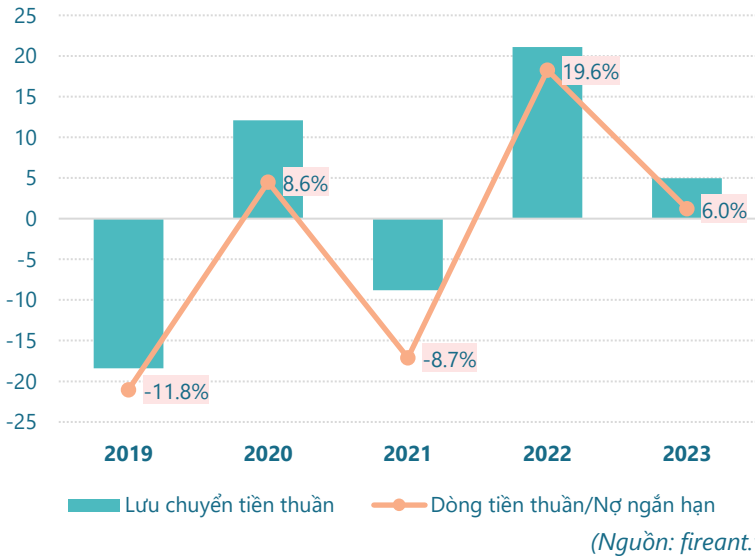
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

